

VAI TRÒ CỦA CHÚA NGUYỄN ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC KHAI PHÁ VÀ BẢO VỆ XỨ MÔ XOÀI THẾ KỶ XVII

TRẦN NAM TIẾN

TÓM TẮT

Cuộc hôn nhân giữa vua Chân Lạp Chey Chetta II và công nương Ngọc Vạn (1620) – con gái của chúa Nguyễn Phúc Nguyên, là sự kiện chính trị thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa Chân Lạp và chúa Nguyễn, đồng thời xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn ở Mô Xoài, qua đó đẩy mạnh quá trình khai phá Mô Xoài. Bên cạnh quá trình khai phá, chúa Nguyễn còn tổ chức các hoạt động quân sự để bảo vệ chủ quyền trên vùng đất Mô Xoài, từ đây mở rộng công cuộc khai phá ra toàn vùng đất Nam Bộ ngày nay. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của chúa Nguyễn đối với công cuộc khai phá và bảo vệ chủ quyền ở xứ Mô Xoài trong thế kỷ XVII.

1. Từ thế kỷ XVI, do sự can thiệp của Xiêm, triều đình Chân Lạp bị chia rẽ sâu sắc và dần bước vào thời kỳ suy vong, hầu như không có điều kiện quan tâm đến vùng đất còn ngập nước ở phía đông và trên thực tế đã không đủ sức quản lý vùng đất này. Trong bối cảnh đó, nhiều cư dân Việt từ đất Thuận Quảng đã theo đường biển di cư vào Nam để khai khẩn đất hoang, lập

làng sinh sống. Sang thế kỷ XVII, sự thất bại của Chân Lạp trước Xiêm, xuất phát từ nội lực suy yếu mà cụ thể là nội bộ triều đình rối ren, đã dẫn đến các cuộc tranh quyền đoạt vị xảy ra liên miên. Chân Lạp do đó ngày càng suy yếu, buộc phải phụ thuộc vào thế lực bên ngoài để tồn tại. Chính bối cảnh đó đã tạo cho chúa Nguyễn có điều kiện gây ảnh hưởng ngày càng sâu vào chính trường Chân Lạp. Vua Chey Chetta II, lên ngôi từ năm 1618, là vị vua đầu tiên của Chân Lạp tìm cách kết thân, dựa vào sức mạnh của chúa Nguyễn để chống lại Xiêm.

Năm 1620, theo lời cầu hôn của vua Chey Chetta II, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã quyết định gả Công nương Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp. Công nương Ngọc Vạn trở thành Hoàng hậu nước Chân Lạp với tước hiệu là Somdach Prea Peaccayo dey Preavoreac. Tác giả Jean Moura trong *Le Royaume du Cambodge* đã viết về sự kiện này như sau: “Tháng 3/1618, Prea Chey Chessda được phong vương với tước hiệu Somdach Prea Chey Chessda Thiréach Réaméa Thupphdey Barommonpit. Lúc đó vua An Nam gả một người con gái cho vua Cao Miên. Công chúa này rất đẹp, được nhà vua yêu mến và lập làm hoàng hậu tước hiệu Somdach Prea Preaccac Vodey Prea Voreac Khsatthey” (Jean Moura, 1883,

tr. 57). Công nương Ngọc Vạn được vua Chey Chettha II rất yêu quý. Do đó những người Việt đi theo Bà sang Chân Lạp đều được nhà vua cử giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình Chân Lạp, cũng như cho nhiều người Việt lập hãng xưởng và buôn bán ở gần kinh đô.

Trên cơ sở mối quan hệ này, năm 1623, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã cử một sứ bộ, đem theo thư cùng nhiều tặng phẩm, tới kinh đô Oudong để tỏ tình thân hữu và bảo đảm sự ủng hộ. Trong quốc thư, chúa Nguyễn cũng đã đề nghị vua Chân Lạp cho lập một đồn thuế ở Prei Kor (tức vùng Sài Gòn) và lập một dinh điền ở Mô Xoài (khu vực Bà Rịa ngày nay) (A. Dauphin Meunier, 1965, tr. 56). Nhờ sự vận động của Hoàng hậu Ngọc Vạn, nên cả hai đề nghị của chúa Nguyễn đều được vua Chân Lạp chấp thuận. Và khu dinh điền ở Mô Xoài được xem là khu dinh điền chính thức đầu tiên của người Việt trên đất Chân Lạp. Để có được sự chấp nhận của phía Chân Lạp, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã hai lần đưa quân sang Chân Lạp giúp con rể (vua Chey Chettha II) đẩy lui quân Xiêm xâm lược. Như vậy, việc lập một dinh điền ở Mô Xoài đã góp phần quan trọng tạo nên một địa điểm tụ cư cho cư dân Việt trong quá trình Nam tiến.

Cuộc hôn nhân giữa vua Chân Lạp Chey Chettha II và công nương Ngọc Vạn không được sử nhà Nguyễn ghi chép vì một lý do nào đó. Nhưng xét thực tế thì đây là một cuộc hôn nhân mang màu sắc chính trị, có tầm quan trọng đặc biệt trong lịch sử. Cuộc hôn nhân này đã đáp ứng nhu cầu cho cả hai phía: Chân Lạp cần có sự “bảo hộ” của chúa Nguyễn để tránh khỏi

sự tấn công của vương quốc Xiêm. Chúa Nguyễn cần có chỗ đứng ở phía Nam, đẩy mạnh sự khai phá của lưu dân Việt trên mảnh đất khô cằn và thấp trũng mà từ lâu người Chân Lạp vẫn bỏ hoang, đồng thời tạo nên sự ổn định mặt phía Nam để rảnh tay lo đương đầu với thế lực Trịnh ở phía Bắc... Trong quá trình này, *việc chúa Nguyễn xác lập được ảnh hưởng ở vùng Mô Xoài - nơi lưu dân Việt đã có mặt khai phá, lập làng từ trước, được xem là một thành công quan trọng trong quá trình Nam tiến của dân tộc Việt.*

Theo sử sách ghi lại, từ đầu thế kỷ XVII, đã có nhiều nhóm cư dân Việt ở Đàng Trong có mặt khai khẩn đất đai, làm ruộng rẫy ở khu vực Đông Nam Bộ. Những địa điểm dừng chân đầu tiên là cửa sông Ray, vùng biển Phước Hải, cửa Lấp, cửa sông Dinh... Như vậy, vùng đất Bà Rịa-Vũng Tàu ngày nay là địa bàn người Việt đến cư ngụ khá sớm so với những nơi khác ở Đông Nam bộ vì lưu dân Việt vào Nam chủ yếu bằng đường biển. Vùng đất này lúc bấy giờ được gọi là xứ Mô Xoài (có tài liệu gọi là Mỗ Xoài, Mỗ Xuy). Mô Xoài là địa danh xưa chỉ vùng đất thuộc làng Long Hương, Phước Lễ, Long Kiên, Long Xuyên (thuộc thị xã Bà Rịa ngày nay), nơi địa đầu của lớp cư dân người Việt đặt chân khai phá vùng đất Nam Bộ⁽¹⁾. Nguyễn Cư Trinh đã từng khẳng định về vai trò của xứ Mô Xoài trong cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ lúc bấy giờ: “Khi xưa mở mang phủ Gia Định, tất phải trước mở đất Hưng Phúc, rồi đến đất Đồng Nai, khiến cho quan dân đông đủ, rồi sau mới tới Sài Gòn...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 166). “Đất Hưng Phúc” mà Nguyễn Cư

Trình nhắc đến ở trên còn được gọi là Hương Phước, chính là xứ Mô Xoài (vùng Bà Rịa ngày nay).

2. Sau cái chết của Chey Chetta II vào năm 1628 nội bộ giới cầm quyền Chân Lạp bị chia rẽ sâu sắc. Nhiều cuộc chiến giữa các phe phái đã diễn ra với sự trợ giúp quân sự của một bên là quân Xiêm, một bên là quân chúa Nguyễn. Trong những cuộc can thiệp vào giúp cho Chân Lạp chống lại các thế lực thân Xiêm, chúa Nguyễn phần lớn đều giành phần thắng. Do đó, ảnh hưởng của chúa Nguyễn đối với triều đình Chân Lạp là rất lớn. Có thể nói, những cuộc chiến ấy chẳng những không ảnh hưởng đến việc người Việt tiến hành khai phá những vùng đất hoang hóa ở đồng bằng sông Cửu Long, mà trái lại, còn tạo điều kiện thuận lợi cho chúa Nguyễn thiết lập quyền kiểm soát chính thức của mình trên những vùng đất cư dân Việt đã dựng nghiệp. Lúc bấy giờ, vùng đất Mô Xoài vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong quá trình trung chuyển của cư dân Việt từ vùng Thuận Quảng xuống các vùng khác ở Nam Bộ.

Theo sử Chân Lạp, năm 1658, hai hoàng thân của vương triều Chân Lạp là Sô và Ang Tan - con của Prah Outey nổi loạn đánh lại vua Nặc Ông Chân. Bị phản công mãnh liệt, hai hoàng thân này chạy trốn vào cung Hoàng thái hậu Ngọc Vạn. Vốn bất bình với việc Nặc Ông Chân lấy vợ người Mã Lai và theo Hồi giáo, hay sâu xa hơn là muốn tạo thế lực trên dải đất mà ông cha đã lưu ý, Bà khuyên Sô và Ang Tan xin chúa Nguyễn giúp đỡ (Phan Khoang, 1966, tr. 311).

Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Phúc Tần

(1648-1687) tuy còn phải lo đối phó với họ Trịnh ở phía Bắc, nhưng khi nhận được sự thỉnh cầu giúp đỡ của hai vị hoàng thân này đã nhanh chóng phái một đạo quân do Tôn Thất Yển chỉ huy, sang đánh xứ Mô Xoài vào tháng 10/1658. Kết quả của cuộc chiến: vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân bị bắt, nhốt vào cũi sắt giải về Quảng Bình. Năm 1659, Nặc Ông Chân chết ở đó. Chúa Nguyễn đưa hoàng thân Sô lên ngôi vua Chân Lạp, tước hiệu là Batom Reachea (1660-1672) (Lê Hương, 1970, tr. 59-60). Nhờ sự giúp đỡ của chúa Nguyễn mới được lên ngôi trị vì, quốc vương Batom Reachea trả ơn bằng cách ký hòa ước nhận triều cống chúa Nguyễn hàng năm và cho những người Việt định cư trong lãnh thổ Chân Lạp được làm chủ phần đất khai hoang và hưởng quyền lợi ngang hàng với người Miên (Nhiều tác giả, 2002, tr. 156).

Nói về sự kiện này, *Đại Nam thực lục tiền biên* lại ghi nhận cuộc chiến năm 1658 theo một nguyên nhân khác: “Tháng 9 năm Mậu Tuất (năm 1658), Vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân (Chan Ramathipati) xâm lấn biên thủy. Dinh Trấn Biên báo lên. Chúa sai phó tướng Trấn Biên là Tôn Thất Yển, cai đội là Xuân Thắng, tham mưu là Minh Lộc (hai người đều không rõ họ) đem 3.000 quân đến thành Hưng Phúc⁽²⁾ đánh phá được, bắt Nặc Ông Chân đưa về. Chúa tha tội cho và sai hộ tống về nước, khiến làm phiên thần hàng năm nộp cống” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 72). Sự kiện này được Trịnh Hoài Đức mô tả kỹ hơn khi viết về Cương vực (tập Trung, Quyển III): “Gia Định xưa nguyên là đất của Chân Lạp (nay là nước Cao Miên, có biệt danh Thủy Chân Lạp và Lục Chân

Lạp), đất ruộng phì nhiêu, có địa lợi sông, biển, cá muối và lúa, đậu rất nhiều. Các tiên hoàng đế triều ta chưa rảnh để mưu tính việc xa nên tạm để đất này cho Cao Miên ở, nối đời làm Phiên thuộc ở miền nam, triều cống luôn luôn. Đến đời vua Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế năm thứ 11 Mậu Tuất (1658), tháng 9 (tức Lê Thần Tông niên hiệu Vĩnh Thọ nguyên niên, Thanh Thuận trị năm thứ 14) vua nước Cao Miên là Nặc Ong Chân xâm phạm biên cảnh (Ghi chú: Người Cao Miên không có họ, con cháu nhà vua đều xưng là Nặc Ong, Chân là tên người, mà mạng danh thì lấy chữ tốt đẹp, tuy ông cháu cùng tên mà không kiêng cử. Nước ta có gửi văn thư cho nước ấy thì xưng là Cao Miên Quốc vương Nặc Ong (Mỗ), là lấy tên của vị con vua nước ấy mới được phong mà gọi. Còn như vương tước nước ấy tự xưng thì có 11, 12 chữ đến 23, 24 chữ tùy ư dùng chữ tốt đẹp chứ không định lệ). Khâm mạng dinh Trấn Biên (Ghi chú: khi đầu khai thác, phạm những chỗ đầu biên giới gọi tên là Trấn Biên, xét Trấn Biên đây tức là trấn Phú Yên ngày nay), Phó tướng Yên Vũ hầu, Tham mưu Minh Lộc hầu và Tiên phong Cai đội Xuân Thắng hầu đem 3 ngàn binh đi trong 2 tuần đến thành Mỗ Xuy (hay Mô Xoài) nước Cao Miên, đánh phá kinh thành và bắt được vua nước ấy là Nặc Ong Chân giải về hành tại dinh Quảng Bình. Vua dụ cho tha tội, rồi phong Nặc Ong Chân làm Cao Miên quốc vương, cho được giữ đạo phiên thần, lo bề cống hiến, không được xâm nhiễu dân sự ở ngoài biên cương, rồi khiến quan binh hộ tống về nước” (Trịnh Hoài Đức, 1972, tr. 6-7).

3. Sau khi vua Chân Lạp Barom Reachea V chết (1672), tình hình Chân Lạp rối ren

trở lại. Lúc bấy giờ, việc tranh giành quyền lực diễn ra giữa vua Nặc Ông Đài và hoàng thân Nặc Ông Nộn. Trong khi Nặc Ông Đài chọn cầu cứu với Xiêm thì Nặc Ông Nộn lại sang cầu cứu với chúa Nguyễn Phúc Tần.

Để đối phó với chúa Nguyễn, Ông Đài đắp một lũy đất ở địa đầu Mô Xoài, ngoài trồng tre gai, trong đặt quân đội, tượng binh phòng thủ, thế rất kiên cố, giao cho tướng Bô Tâm chỉ huy. Lũy có tên gọi là lũy Mô Xoài, hay còn gọi là lũy Phước Tứ, lũy Hưng Phúc, lũy Hương Phước, lũy Bô Tâm. Vì vậy khi Nặc Ông Nộn chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang, Chúa Hiền nói rằng: “Nặc Nộn là phiên thần, có việc nguy cấp, không thể không ứng cứu”, “bèn sai Nguyễn Dương Lâm làm thống binh, tướng thần lại thủ hợp là Nguyễn Diên Phái làm tham mưu, Văn Sùng (không rõ họ) làm thị chiến” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 89) đem binh chia ra làm hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài.

Năm 1674, quân đội chúa Nguyễn do tướng Nguyễn Dương Lâm (còn gọi là Nguyễn Dương) và Cai cơ Nguyễn Diên tiến đánh lũy Mô Xoài của Chân Lạp do tướng Bô Tâm trấn giữ. Quân chúa Nguyễn đánh bại quân Chân Lạp đóng ở đây. Trịnh Hoài Đức mô tả sự kiện này như sau: “Lũy Phước Tứ: Ở phía đông trạm Hương Phước, ngang giữa quan lộ⁽³⁾. Trước đây chánh Vương Cao Miên là Sô ngự trị ở thành Vũng Long, Phó vương là Nộn ngự trị ở thành Sài Gòn. Con trưởng của Sô là Bô Tâm không được làm vua, bèn giết cha mà tự lập, rồi sợ Nộn không phục, báo cáo lên triều để đem binh hỏi tội, bèn đắp đồn đất ở Khu Bích Nam Vang, kết bè nổi giăng dây sắt để tự vệ, lại cầu

Tiêm La ứng viện, mưu đánh giết Nộn. Thế Nộn lúc bấy giờ bị nguy bức phải chạy qua nương tựa dinh Thái Khang, Bồ Tâm bèn chiếm cứ Sài Gòn, mà binh Tiêm không đến, Bồ Tâm đắp lũy đất ở địa đầu Mô Xoài, ngoài trồng tre gai, đem binh tượng phòng thủ rất chặt chẽ. Trải hơn một năm thấy binh ta không hề động tĩnh, Bồ Tâm trễ nải không phòng bị, binh sĩ tứ tán ra ngoài ruộng nương. Tháng Giêng năm Giáp Dần (1674) đời vua Thái Tôn thứ 27, Trần thủ dinh Thái Khang là Nguyễn Triều Đắc đem việc đề đạt lên, tháng 2 vua sai Chủ tướng dinh Thái Khang là Nguyễn Dương xuất chinh, giao cho Nguyễn Diên làm Cai cơ thống lãnh binh tiên phong, phải đi rất mau chóng cả ngày thâu đêm. Tháng 3 Diên Lộc hầu đến trước tại lũy Mô Xoài, nhân chúng không phòng bị xông vào đánh úp, binh sĩ không ai bị sát hại cả; cách 3 ngày bọn chúng nhóm lại vây đánh rất gắt, Diên Lộc hầu đóng cửa lũy không ra ứng chiến, đợi binh Dương Lâm hầu đến bèn hiệp lực ra đánh, binh Cao Miên tan rã, bị tử thương rất đông. Nhân vậy mới gọi tên là lũy “Phước Tứ” (Trịnh Hoài Đức, 1972, tr. 104-105)⁽⁴⁾.

Sau khi thu phục lại xứ Mô Xoài từ phía Chân Lạp, chúa Nguyễn Phúc Tần cho thiết lập lại một khu dinh điền tại đây để binh lính đồn trú và luyện tập sau các hoạt động quân sự, đồng thời tham gia khai khẩn đất đai và sản xuất nông nghiệp. Mô hình tổ chức này về sau trở thành khá phổ biến dưới thời các vua đầu triều Nguyễn vì tính hiệu quả của nó trong quá trình mở mang bờ cõi về phương Nam. Hiện nay, ở khu vực đình thần Long Phước thuộc thị trấn Long Điền, dấu vết tương đối nguyên vẹn của khu dinh điền Mô Xoài, đó là đoạn

bờ lũy phía Bắc và bờ lũy phía Nam, chiều dài mỗi đoạn khoảng hơn 200 mét. Có lẽ, đây là một trong những di tích xưa nhất của người Việt ở vùng đất Đông Nam Bộ thế kỷ XVII.

Sau khi đánh bại quân Chân Lạp ở Mô Xoài, quân chúa Nguyễn đánh úp “phá các lũy Sài Gòn (nay là tỉnh lỵ Gia Định) và Bích Đồi (Gò Bích), chặt cầu phao và xích sắt, tiến thẳng vây thành Nam Vang. Nặc Ông Đài hoảng sợ chạy chết, Nặc Thu đến quân môn xin hàng. Tin thắng trận báo về, triều đình bàn rằng Nặc Ông Thu là dòng đích thì phong làm vua chính đóng ở thành Long Úc (Udong). Nặc Nộn làm vua thứ nhì, đóng ở thành Sài Gòn, cùng coi việc nước, hằng năm triều cống” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 89). Như vậy, nguyên nhân chúa Nguyễn đem quân vào Chân Lạp vào năm 1674 là để ứng cứu giúp Nặc Nộn. Kết thúc cuộc chiến năm 1674, Chân Lạp bị chia thành hai khu vực với hai vị vua cai trị: Chính Quốc Vương (đóng ở U Đông) và Phó Quốc Vương (đóng ở Sài Gòn). Cả hai đều tỏ ra cung thuận và triều cống Chúa Nguyễn.

Như vậy, có thể xem cuộc hôn nhân giữa vua Chân Lạp Chey Chetta II và Công nương Ngọc Vạn là sự kiện chính trị thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa Chân Lạp và chúa Nguyễn, đồng thời xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn ở Mô Xoài, qua đó tạo điều kiện cho quá trình khai phá Mô Xoài được đẩy mạnh, từ đây mở rộng quá trình Nam tiến ra cả vùng Nam Bộ. Sau đó, quân Chân Lạp nhiều lần quay lại chiếm Mô Xoài, xây dựng đồn lũy, “xâm phạm biên cảnh” của chúa Nguyễn. Trước thực tế đó, chúa Nguyễn đã hai lần điều quân vào xứ Mô Xoài đánh phạt quân Chân Lạp,

bình định xứ Mô Xoài. Lần đầu là năm 1658 do phó tướng Dinh Trấn biên là Tôn Thất Yển chỉ huy và lần sau là năm 1674, do Chủ tướng dinh Thái Khang là Nguyễn Dương (Nguyễn Dương Lâm) chỉ huy, làm tiên phong. Cả hai lần xuất quân, chúa Nguyễn đều đại thắng, phá được lũy, chiếm được thành, bắt tướng giặc. *Từ đó, xứ Mô Xoài hoàn toàn thuộc về chủ quyền của chúa Nguyễn, quân Chân Lạp không dám xâm phạm biên cảnh nữa.* Trên cơ sở đó, xứ Mô Xoài Bà Rịa tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong công cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ của lưu dân người Việt, là nơi mở đầu cho cuộc khẩn hoang, là nơi định cư, lập nghiệp đầu tiên của người Việt, là bàn đạp để mở mang toàn cõi Nam Bộ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Địa danh Mô Xoài còn được đặt tên cho các công trình quân sự ở vùng này như: lũy Mô Xoài, lũy Hưng Phước (gọi là lũy Phước Tứ), lũy Bồ Tâm, khu vực Bàu Thành, trong đó lũy Mô Xoài (lũy Phước Tứ) - Bàu Thành chính là di tích xưa của người Chân Lạp ở Nam Bộ.

⁽²⁾ Thành Hưng Phúc được nhắc đến trong đoạn trích trên cũng chính là thành Hưng Phước - lũy Mô Xoài mà Trịnh Hoài Đức đã đề cập về Lũy Phước Tứ trong *Gia Định thành thông chí*.

⁽³⁾ Nơi đồn trú của quân Chân Lạp được gọi là lũy Bồ Tâm, về sau này người Việt thường gọi

là lũy cũ Phước Tứ (nằm ở khu vực thôn Long Phước, thị trấn Long Điền bây giờ) với quan niệm như được ý Trời ban cho.

⁽⁴⁾ Về lũy Phước Tứ, Trịnh Hoài Đức cho biết thêm: “Lũy ấy trải mấy đời sau cũng nhân theo đó nhận làm yếu địa đồn trú cho đạo Mô Xoài, nay giặc giã yên lặng, tứ bề không còn đồn lũy, tuy thành tường đào phá làm ruộng vườn, mà bờ tre còn xanh tốt, còn nhìn nhận được dấu tích lũy xưa”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hương. 1970. *Sử Cao Miên*. Sài Gòn: Nxb. Khai Trí.
2. Meunier, Dauphin A. 1956. *Le Cambodge*. Paris: Nouvelles Editions Latines.
3. Moura, Jean 1883. *Le Royaume du Cambodge*. Volume II, Paris: E. Leroux.
4. Nhiều tác giả. 2002. *Nam Bộ và Nam Trung Bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII-XIX*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phan Khoang. 1966. *Việt sử xứ Đàng Trong (1557-1777) - Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*. Sài Gòn.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 1 (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. Trịnh Hoài Đức. 1972. *Gia Định thành thông chí*. Tập Trung. Quyển III. Sài Gòn: Nha Văn hóa - Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa.